TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;

2. Bà Trần Thị Mộng Thu.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị K, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 4, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Châu S, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 1160/C, tổ 2, khu phố TM, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị K và ông Nguyễn Châu S tự tìm hiểu, quen biết nhau được hơn hai năm thì tiến đến kết hôn. Bà K và ông S tổ chức lễ cưới vào năm 1996 chung sống với nhau đến năm 2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) TH, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 200, quyển số 01 ngày 05/8/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống từ những chuyện rất nhỏ trong cuộc sống hàng ngày từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả với nhau làm ảnh hưởng đến con cái. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà K và ông S đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không thành. Đến năm 2008, để tránh việc vợ chồng cãi nhau làm ảnh hưởng đến các con nên bà K đã dẫn hai con về nhà mẹ ruột ở khu phố T, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Sau đó, ông S cũng đến nhà bà K ở TH để sinh sống, hòa giải cùng bà K chăm sóc các con. Tuy nhiên, mọi cố gắng hòa giải, đoàn tụ của hai vợ chồng đều không thành, vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và cãi vả với nhau. Đến năm 2012, bà K và ông S không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên bà K và ông S đã sống ly thân. Trong suốt thời gian vợ chồng ly thân, một mình bà K nuôi dạy và chăm sóc các con, ông S không đến thăm con, không phụ giúp bà K nuôi con. Bà K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Kẻn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Châu S.

Về con chung: Bà K và ông S có hai con chung tên Nguyễn Châu D, sinh ngày 02/8/1997 và Nguyễn Châu N sinh ngày 23/9/2007. Khi ly hôn, bà K yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Châu N sinh ngày 23/9/2007, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Nguyễn Châu D sinh ngày 02/8/1997 đã thành niên nên bà K không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Châu S đã được đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Sơn không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo biên bản xác minh ngày 16/01/2018 tại Công an phường TH xác định ông Nguyễn Châu S, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ khu phố TM, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Hiện tại, ông S vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, tuy nhiên ông S thường xuyên vắng mặt.

Theo biên bản xác minh ngày 16/01/2018 tại Ủy ban nhân dân phường TH thì về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Châu S và bà Bùi Thị K thì địa phương không nắm được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố

tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện viện Kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Bà Bùi Thị K và ông Nguyễn Châu S chung sống với nhau vào năm 1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng kết hôn số 200, quyển số 01 ngày 05.8.2003, là hôn nhân hợp pháp. Bà K xác định vợ chồng không còn sống cùng nhau nên mâu thuẫn giữa bà K và ông S trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà K yêu cầu ly hôn ông S là có căn cứ. Về con chung, bà K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Châu N, sinh ngày 23/9/2007, xét thấy con chung Nguyễn Châu N hiện đang sống cùng bà K và bà K đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc con chung đảm bảo phát triển về mọi mặt nên bà K yêu cầu được nuôi con chung là có căn cứ. Về con chung Nguyễn Châu D đã trưởng thành nên bà K không yêu cầu. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Châu S vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Châu S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị K và ông Nguyễn Châu S có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường TH), huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng kết hôn số 200, quyển số 01 ngày 05/8/2003, là hôn nhân hợp pháp. Bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông S không đến Tòa án cho thấy ông S không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà K kiên quyết ly hôn. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân bà K và ông S mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn không

đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà K yêu cầu ly hôn với ông Sơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà K yêu cầu được nuôi dưỡng con Nguyễn Châu sinh ngày 23/9/2007. Xét thấy, con chung Nguyễn Châu N, hiện tại con chung đang sống cùng bà K, bà K đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và con chung Nguyễn Châu N cũng có nguyện vọng sống cùng bà K. Do vậy, yêu cầu nuôi con chung của bà K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị K phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị K được ly hôn ông Nguyễn Châu S.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Châu N, sinh ngày 23/9/2007 cho bà Bùi Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K về việc không yêu cầu ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Nguyễn Châu D, sinh ngày 02/8/1997 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Bùi Thị K và ông Nguyễn Châu S đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị K phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013634 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã TU (01);
- Chi cục THADS thị xã TU (01);
- UBND phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết